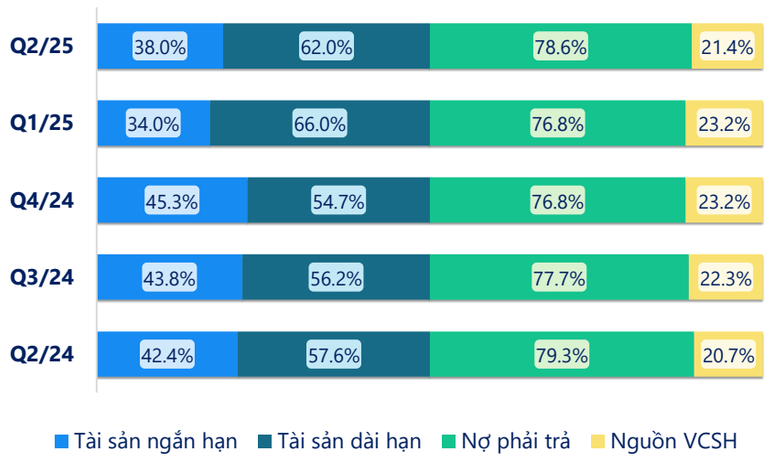
FireAnt

CTCP Sonadezi Giang Điền (UPCOM: SZG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	39,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	25,237
SL cổ phiếu LH	54,898,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	690
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,190
P/E	9.3
EPS	4,291

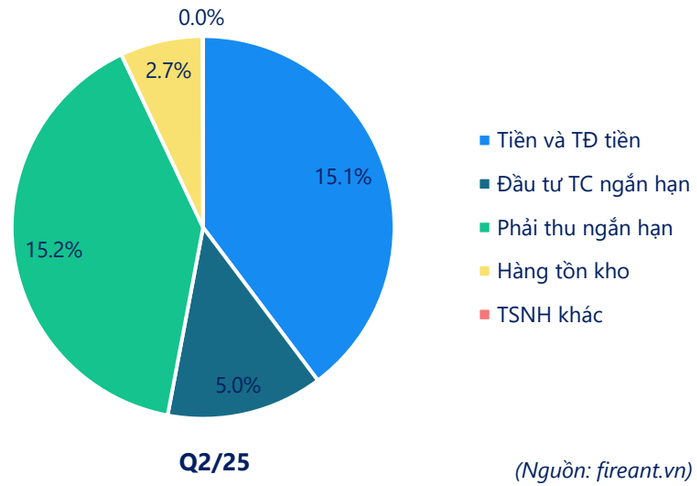
	YTD	1T	3T	6T
SZG	22.2%	7.8%	12.3%	20.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



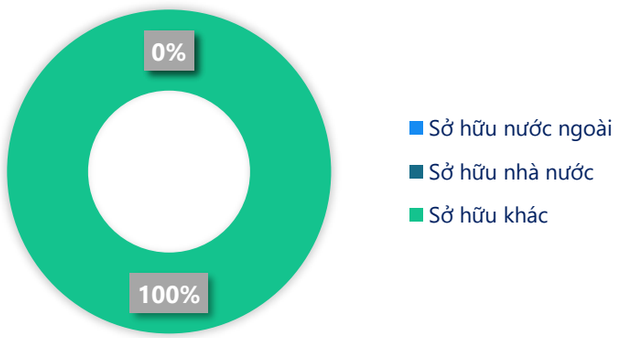
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



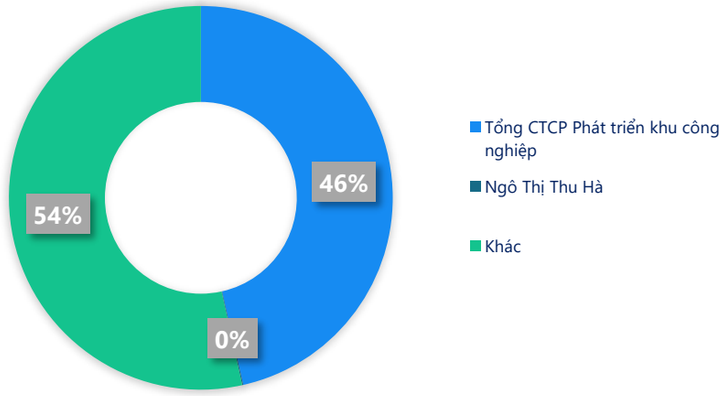
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



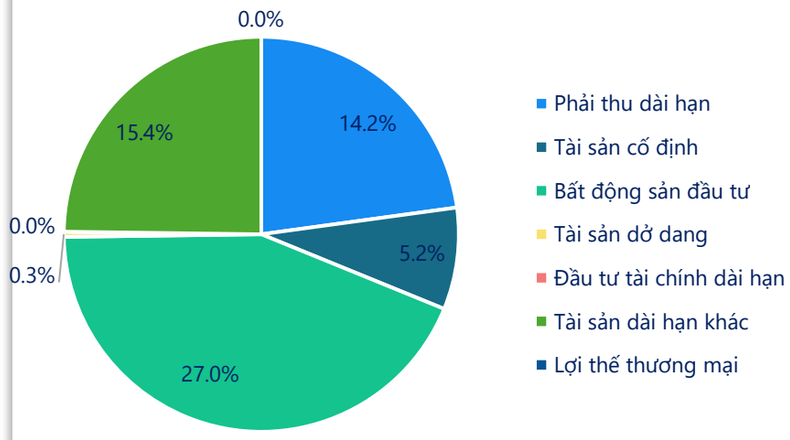
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

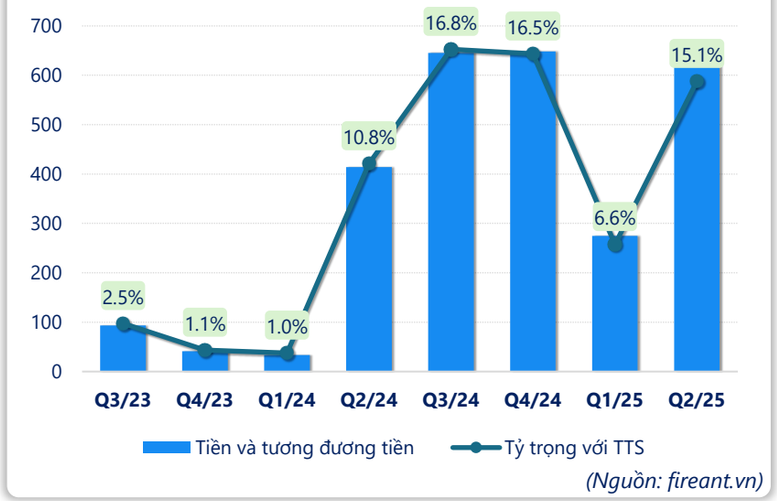


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

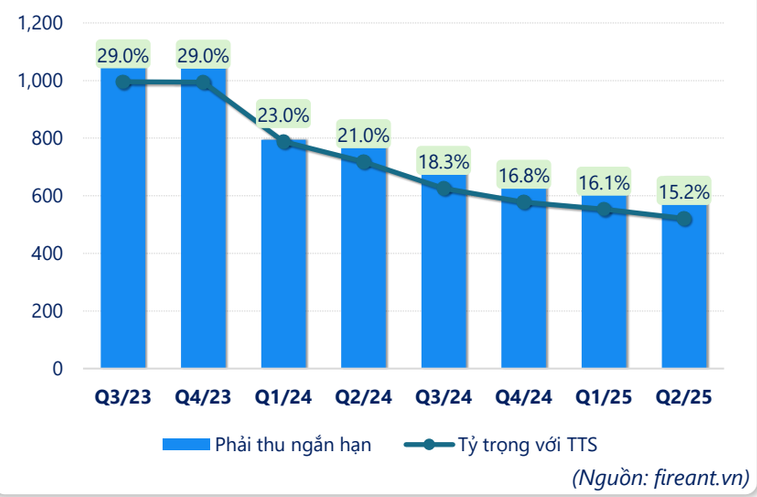
CTCP Sonadezi Giang Điền (UPCOM: SZG)

Tiền và tương đương tiền



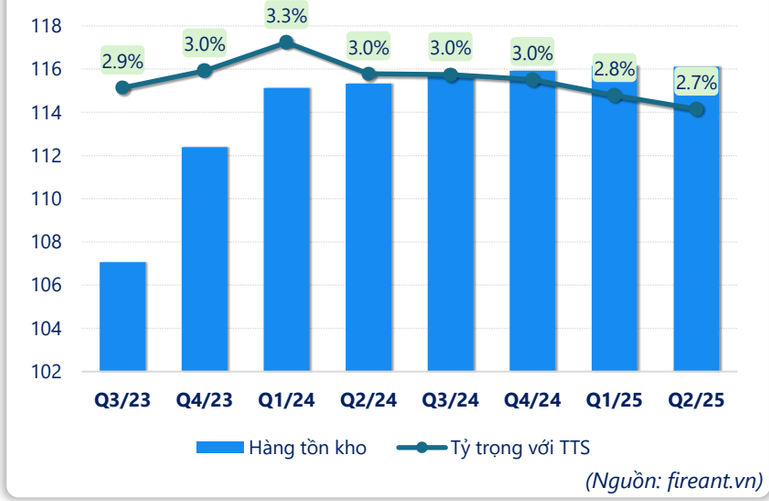
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



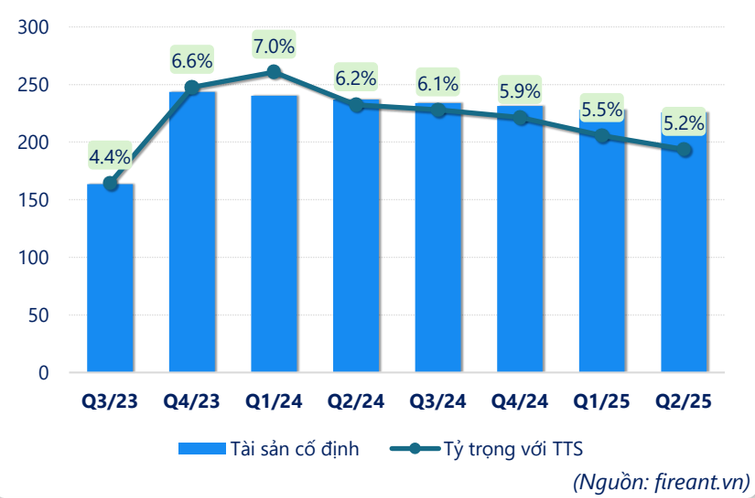
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



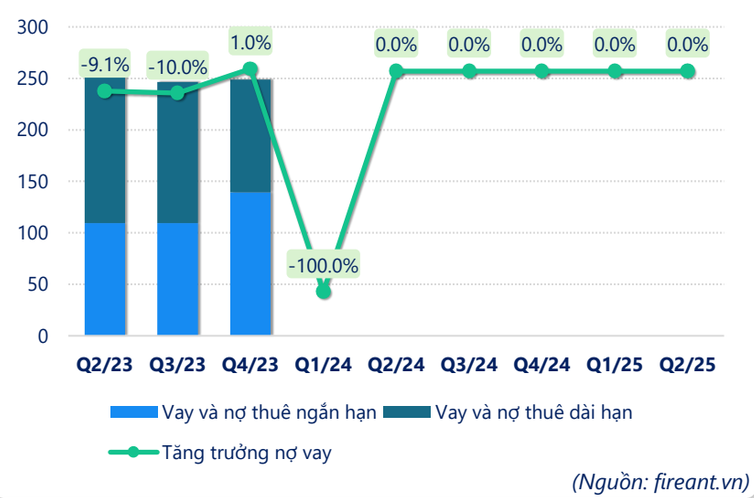
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



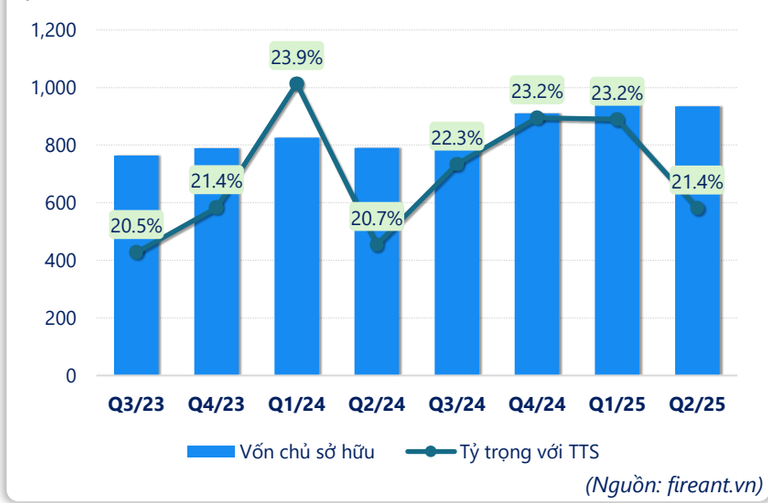
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

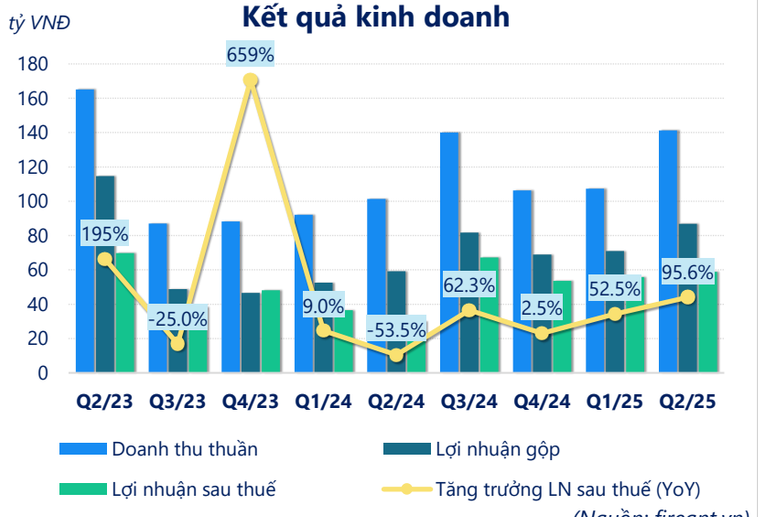


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

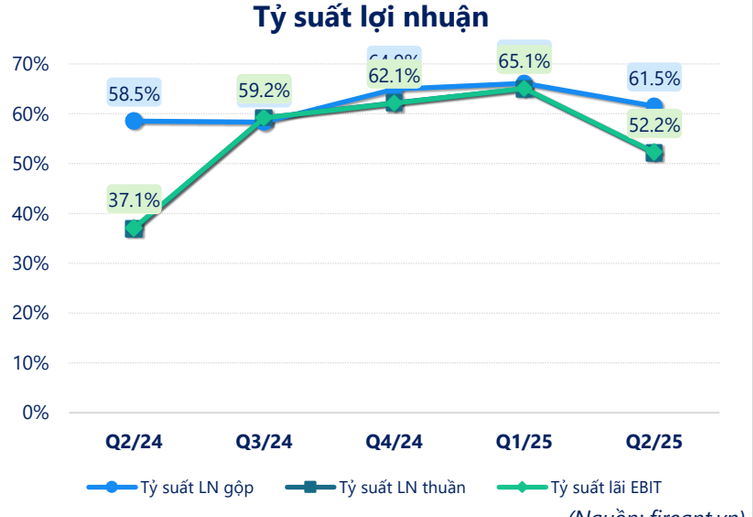
CTCP Sonadezi Giang Điền (UPCOM: SZG)

Kết quả kinh doanh



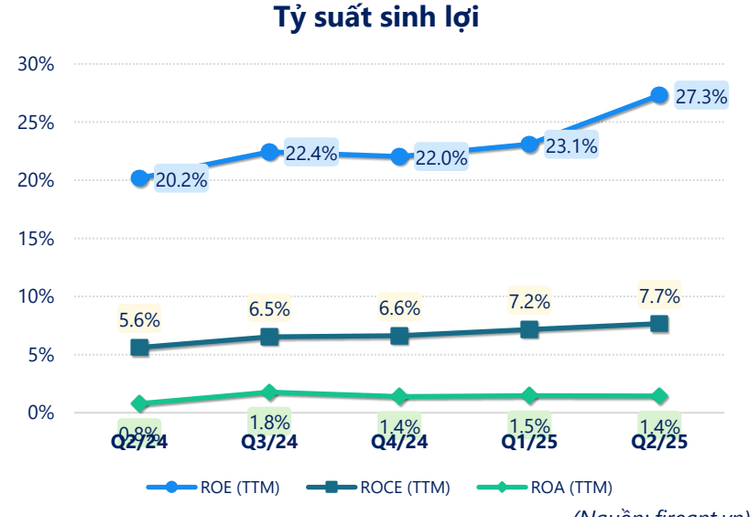
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



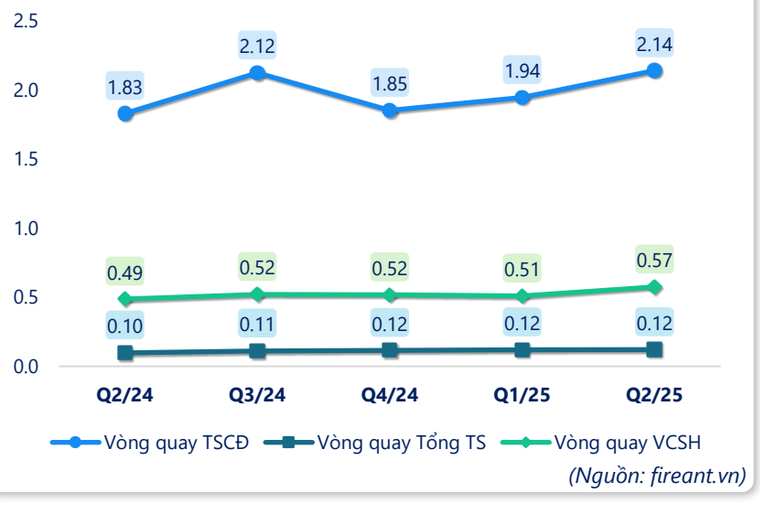
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



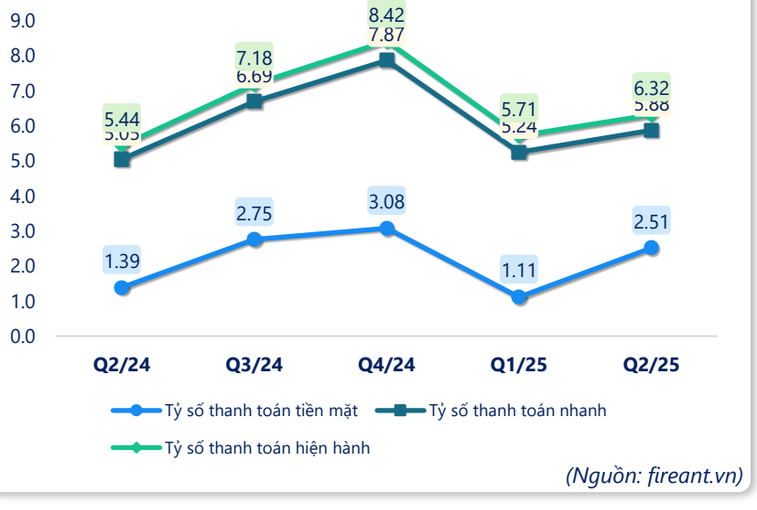
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



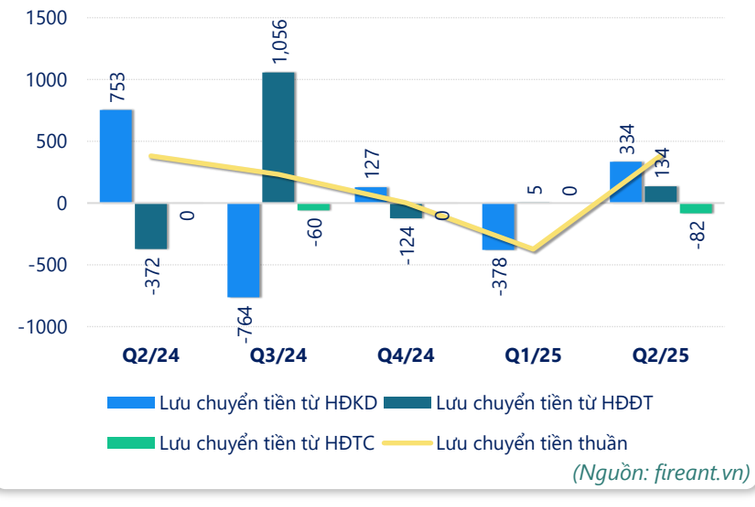
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Sonadezi Giang Điền (UPCOM: SZG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,368**	**3,919**	**11.5%**
Tài sản ngắn hạn	1,660	1,774	-6.4%
Tiền và tương đương tiền	660	648	1.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	219	349	-37.2%
Phải thu ngắn hạn	664	660	0.6%
Hàng tồn kho	116	116	0.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.68	0.56	20.8%
Tài sản dài hạn	**2,708**	**2,145**	**26.2%**
Phải thu dài hạn	618	0	
Tài sản cố định	226	231	-2.5%
Bất động sản đầu tư	1,181	1,228	-3.8%
Tài sản dở dang	11.4	11.4	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**671**	**674**	**-0.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,433	3,011	14.0%
Nợ ngắn hạn	**263**	**213**	**23.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.22	10.7	-13.9%
Nợ dài hạn	3,171	2,798	13.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**934**	**908**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**934**	**908**	**3.0%**
Vốn điều lệ	549	549	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	101	140	106	107	141
Giá vốn hàng bán	42.0	58.4	37.3	36.4	54.3
Lợi nhuận gộp	59.2	81.7	69.0	71.0	86.9
Doanh thu HĐTC	1.99	9.34	14.6	4.45	5.12
Chi phí TC	0.04	0.04	0.04	0.03	0.04
Chi phí lãi vay	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	16.7	2.52	0.76	0.61	8.40
Chi phí QLDN	7.08	5.61	16.7	5.00	9.98
LN thuần từ HĐKD	37.4	82.9	66.1	69.8	73.6
Lợi nhuận khác	0.18	0.04	-0.06	0.06	0.18
LN trước thuế	37.6	82.9	66.0	69.8	73.7
Lợi nhuận sau thuế	30.0	67.3	53.5	55.8	58.9
LNST của CĐ cty mẹ	30.0	67.3	53.5	55.8	58.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	753	-764	127	-378	334
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-372	1,056	-124	4.81	134
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.03	-60.3	-0.08	0	-82.3
Tiền đầu kỳ	33.4	414	646	648	275
Lưu chuyển tiền thuần	**381**	**232**	**2.69**	**-373**	**385**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	414	646	648	275	660

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic